TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2022/KDTM-ST
Ngày: 19 - 4- 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Láth.

2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa***: Bà Phạm Thị Diệp – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18, 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2021/TLST-DS, ngày 24 tháng 11 năm 2021 về *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Tr, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện của nguyên đơn: Chị Nguyễn Minh Th, sinh năm 1995; *là người đại diện theo ủy quyền* (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 034 khóm Trà N, phường Kh, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* - Ông Phan Văn V, sinh năm 1964 (Có mặt).

- Bà Lê Thị Bé S, sinh năm 1970 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 226 ấp H, xã V, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2021 của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện do nguyên đơn ủy quyền chị Nguyễn Minh Th trình bày:

Vào ngày 06/02/2021, ông Nguyễn Duy M là chủ hộ kinh doanh Th có ký kết hợp đồng bằng văn bản, mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản với ông Phan Văn V – bà Lê Thị Bé S. Hợp đồng có thời hạn từ ngày 06/02/2021 đến ngày 31/12/2021. Trước khi ký hợp đồng, hai bên đã có giao dịch mua bán và ông V – bà S có xác nhận còn nợ của ông M tính đến thời điểm ký hợp đồng là 1.606.361.000đ (một tỷ sáu trăm lẻ sáu triệu ba trăm sáu mươi mốt nghìn đồng).

Theo thỏa thuận, ông M cung cấp thức ăn Tôm thẻ chân trắng, Tôm sú nhãn hiệu V và các loại thuốc, hóa chất phục vụ cho nuôi trồng thủy sản theo đơn đặt hàng của vợ chồng ông V – bà S. Giá từng sản phẩm sẽ tùy thời điểm, được ghi nhận tại sổ giao nhận hàng hóa trên mỗi đơn hàng, nếu có thay đổi thì ông M sẽ thông báo. Hàng hóa được giao tại cửa hàng hoặc tại nhà ông V – bà S, được kiểm tra số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa trước khi nhận. Ông M chiết khấu cho vợ chồng ông V – bà S 8.500đồng/kg thức ăn (chiết khấu áp dụng trong trường hợp vợ chồng ông V – bà S không vi phạm bất cứ điều khoản nào của Hợp đồng, đặt biệt là nghĩa vụ thanh toán). Ngoài ra, trường hợp nếu công nợ cao nhưng vợ chồng ông V – bà S không thanh toán được một phần theo thỏa thuận hoặc cam kết thì ông M được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Vợ chồng ông V – bà có trách nhiệm thanh toán cho ông M sau khi đơn đặt hàng được xác nhận và thanh toán theo từng tháng mà hai bên thống nhất. Trước đây, mỗi tháng hai bên đều thực hiện phương thức thanh toán riêng. Đến ngày 17/10/2021, vợ chồng ông V – bà S ký cam kết ngày 25/10/2021 sẽ thanh toán công nợ 70.000.0000đ (bảy mươi triệu đồng) nhưng không thực hiện nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hiện nay, vợ chồng ông V – bà S còn nợ của ông M số tiền là 2.488.992.000đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Ông Nguyễn Duy M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phan Văn V– bà Lê Thị Bé S phải liên đới thanh toán cho ông số nợ là 2.488.992.000đ (hai tỷ

bốn trăm tám mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Bị đơn ông Phan Văn V trình bày: Vợ chồng ông V – bà Lê Thị Bé S có đăng ký kinh doanh Đại lý thức ăn nuôi Tôm và thuốc thủy sản. Do đó, vợ chồng ông V- bà S làm Đại lý cấp 2 cho ông M, việc hai bên mua bán diễn ra từ năm 2019, mỗi năm đều có ký hợp đồng, trong thời gian đó vợ chồng ông cũng có thanh toán một phần nợ và còn thiếu lại của ông M, cụ thể, đến cuối năm 2020, hai bên cộng sổ và vợ chồng ông V còn nợ của ông M số tiền là 1.510.755.000đ (một tỷ năm trăm mười triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng). Sau đó, qua năm 2021, vợ chồng ông V tiếp tục mua thức ăn nuôi tôm của ông M, đến ngày 11/8/2021 ông V gởi trả cho Công ty 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và còn nợ lại của ông M là 2.462.010.000đ (hai tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu không trăm mười nghìn đồng) .

Tuy nhiên, lúc ký hợp đồng thì bên phía ông M có hứa hẹn với vợ chồng ông V là sẽ không bán thức ăn nuôi Tôm hiệu V tại khu vực của ông V mở Đại lý. Nhưng hiện nay, phía Công ty V mở Đại lý và bán thức ăn tại đó, giá thấp hơn giá của Đại lý ông V bán cho người dân nên một phần lớn khách hàng của ông V không trả nợ cho ông V mà quay sang mua thức ăn nuôi Tôm chỗ Đại lý mới mở, do đó vợ chồng ông V không thu hồi nợ được.

Hiện nay, ông V yêu cầu phía ông M phải giúp vợ chồng ông V thu hồi số nợ đối với các hộ dân mà bên Công ty V bán chồng chéo với ông V. Nếu, phía ông M không thu hồi nợ giúp cho vợ chồng ông V thì vợ chồng ông V cũng đồng ý thanh toán số nợ trên cho ông M, nhưng xin gia hạn mỗi năm trả 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho đến khi dứt nợ.

Ông V trình bày, gia đình ông không thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình không có công cách mạng và không thờ cúng Liệt sĩ.

Bị đơn bà Lê Thị Bé S trình bày: Bà S thống nhất với lời trình bày của ông V, không bổ sung gì thêm.

Chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản lấy lời khai của đương sự đối với ông V và bà S; Bản pho to giấy chứng nhận đăng ký Hộ Kinh doanh Phan Văn V (có đối chiếu bản gốc).

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét

xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do tại phiên tòa, bị đơn cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký Hộ Kinh doanh Phan Văn V, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại – tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông V và bà S có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Duy M số tiền còn nợ là 2.488.992.000đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng). Quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về tố tụng: Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét hợp đồng mua bán hàng hóa được giao kết giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Duy M và bị đơn là ông Phan Văn V – bà Lê Thị Bé S là thực tế và là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên. Ông M và ông V đều đã được cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh, hai bên ký kết hợp đồng mua bán vì mục đích lợi nhuận đây là vụ án kinh doanh thương mại được quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Hai bên đã thực hiện việc mua bán hàng hóa như đã thỏa thuận, thể hiện theo lời trình bày của nguyên đơn và thừa nhận của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm.

Đến ngày 17/10/2021, vợ chồng ông V – bà S ký cam kết ngày 25/10/2021 sẽ thanh toán công nợ 70.000.0000đ (bảy mươi triệu đồng) nhưng không thực hiện nên

đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, hai bên đương sự đều thống nhất xác nhận công nợ là vợ chồng ông V và bà S nợ của ông M số tiền 2.488.992.000đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng), nhưng không thống nhất được thời gian thanh toán và phương thức thanh toán. Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với việc mua bán hàng hóa và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 2.488.992.000đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng) là có căn cứ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nêu trên cho nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

Việc, vợ chồng ông V – bà S cho rằng vào thời điểm hai bên thỏa thuận mua bán, phía ông M có hứa hẹn với vợ chồng ông V là sẽ không bán thức ăn nuôi Tôm hiệu V tại khu vực của ông V mở Đại lý. Nhưng hiện nay, phía Công ty V mở trụ sở và bán thức ăn tại đó, giá thấp hơn giá của Đại lý ông V bán cho người dân nên một phần lớn khách hàng của ông V không trả nợ cho ông V mà quay sang mua thức ăn nuôi Tôm chỗ Công ty, do đó vợ chồng ông V không thu hồi nợ được. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng việc Công ty V mở Đại lý gần nhà ông V, không có liên quan đến ông M và căn cứ vào các Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên do ông V cung cấp thì không có điều khoản nào thể hiện việc này. Do đó, yêu cầu của bị đơn ông V – bà S yêu cầu phía ông M phải giúp vợ chồng ông V thu hồi số nợ đối với các hộ dân mà bên Công ty V bán chồng chéo với ông V là không có cơ sở chấp nhận.

Xét ý kiến của bị đơn ông Phan Văn V – bà Lê Thị Bé S yêu cầu phía ông M phải giúp vợ chồng ông V thu hồi số nợ đối với các hộ dân mà bên Công ty V bán chồng chéo với ông V. Nếu, phía ông M không thu hồi nợ giúp cho vợ chồng ông V thì vợ chồng ông V cũng đồng ý thanh toán số nợ trên cho ông M, nhưng xin gia hạn mỗi năm trả 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho đến khi dứt nợ nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của các bị đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông M có đơn yêu cầu thi hành án, vợ chồng ông Phan Văn V – bà Lê Thị Bé S còn phải liên đới trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

[5] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vợ chồng ông Phan Văn V – bà Lê Thị Bé S phải liên đới chịu án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Duy M đối với bị đơn ông Phan Văn V và bà Lê Thị Bé S, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

Buộc ông Phan Văn V và bà Lê Thị Bé S có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông Nguyễn Duy M số tiền nợ là 2.488.992.000đ (hai tỷ bốn trăm tám mươi tám triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu thi hành án, ông Phan Văn V và bà Lê Thị Bé S phải liên đới trả lãi suất quy định

tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ông Phan Văn V và bà Lê Thị Bé S phải liên đới chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 81.779.840đ (tám mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

- Ông Nguyễn Duy M không phải chịu án phí; hoàn trả cho ông M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.889.920đ (bốn mươi triệu tám trăm tám mươi chín nghìn chín trăm hai mươi đồng) theo Biên lai thu số 0002202 ngày 24/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.